

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XM  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 30/7/2021.

V/v: “ Yêu cầu ly hôn ”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM – TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

*Các hội thẩm nhân dân:*

Bà Phùng Thị Khánh Vân.

Ông Văn Phú Hiên.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lệ Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số: 671/2020/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020, về việc: “ Yêu cầu ly hôn ”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày: 25/6/2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2021/QĐST – HNGĐ ngày: 13/7/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* THAT, sinh năm: 1993 – ( Có đơn đề nghị hoà giải và xét xử vắng mặt ).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, ấp 7, xã GC, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

*Bị đơn:* NTTH, sinh năm: 1994 – ( Vắng mặt ).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 3, ấp 2 Đ, xã BL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2020, bản khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Nguyên đơn anh THAT trình bày: Anh T kết hôn với chị H vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã GC, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai mai mối, ép buộc.*

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng dàn xếp với nhau nhưng không được. Vì vậy, từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên anh T yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là: TNTK, sinh ngày: 22/4/2017. Từ khi ly thân cho đến nay cháu K sinh sống cùng với chị H. Nếu ly hôn anh T đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H tự thoả thuận giải quyết với nhau, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị NTTH dù đã được toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay chị H vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

*Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo những quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.*

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần là chưa chấp hành pháp luật, chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh THAT khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho anh T ly hôn với chị NTTH. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Anh T có đơn đề nghị hoà giải và xét xử vắng mặt hợp lệ ( Bút lục số: 20 ), chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1, Điểm b Khoản 2 điều 227; Khoản 1, Khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh T và chị H.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh T và chị H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định ( Bút lục số: 05, 06 ) nên là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng dàn xếp với nhau nhưng không được. Vì vậy, từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương ( Bút lục số: 18 ). Điều đó chứng tỏ: Giữa anh T và chị H không còn yêu thương, tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc anh T yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của anh T. Về hôn nhân anh T được ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là: TNTK, sinh ngày: 22/4/2017. Từ khi ly thân cho đến nay cháu K sinh sống cùng với chị H. Nếu ly hôn anh T đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Từ khi ly thân đến nay chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu K còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là phù hợp, nên giao cháu K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không có mặt, không có ý kiến về việc có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hay không. Vì vậy, HĐXX không xem xét, nếu sau này các bên có tranh chấp về vấn đề này thì khởi kiện vụ kiện dân sự khác theo quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có, nhưng chị H không có mặt nên không kiểm chứng được lời trình bày của anh T có đúng hay không. Vì vậy, HĐXX không xem xét. Nếu sau này hai bên có tranh chấp về vấn đề này thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định.

[5] Về án phí: Do là nguyên đơn nên anh T phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1, Điểm b Khoản 2 điều 227; Khoản 1, Khoản 3 điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 56,59,81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu của anh THAT đối với chị NTTH.

[1] Về hôn nhân: Anh THAT được ly hôn với chị NTTH.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là: TNTK, sinh ngày: 22/4/2017. Từ khi ly thân cho đến nay cháu K sinh sống cùng với chị H.

Chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu TNTK.

Anh T được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Anh T phải nộp 300.000Đ ( Ba trăm ngàn ) án phí HNGĐST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ ( Ba trăm ngàn ) mà anh T đã nộp theo

biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009009 ngày 18/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM. Anh T đã nộp đủ án phí.

[4] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Những người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án ) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận.***

- TAND tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- Chi cục THADS huyện XM.
- UBND xã Phước Tân, huyện XM, tỉnh BR-VT.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
*( Đã ký )*

**Hoàng Ngọc Tuấn**